

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bổ sung giá tính thuế Tài nguyên đối với tài nguyên là cát vàng sản xuất công nghiệp khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ các Luật: Luật Thuế tài nguyên năm 2009; Luật Quản lý thuế năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2012;

Căn cứ các Nghị định: Số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 Hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 Hướng dẫn về Thuế tài nguyên; số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4854/STC-QLGCS ngày 04/11/2019 (Gửi kèm Biên bản làm việc thống nhất của Liên ngành: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Hoành Bồ và Công ty cổ phần Viglacera Hạ Long ngày 24/9/2019),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tính thuế Tài nguyên đối với loại tài nguyên là cát vàng khai thác trên địa bàn tỉnh để phục vụ sản xuất công nghiệp là 130.600 đồng/m³.

Điều 2. Giao Cục Thuế tỉnh trong quá trình thi hành quyết định, kiểm tra, giám sát thực hiện kê khai, quyết toán thuế tài nguyên:

- Trường hợp giá bán loại tài nguyên nêu trên của các đơn vị sản xuất, chế biến có biến động lớn, có văn bản đề nghị điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh.

- Trường hợp có biến động lớn (tăng từ 20% trở lên so với mức giá tối đa 150.000đ/m³ hoặc giảm từ 20% trở lên so với mức giá tối thiểu 105.000đ/m³ của

khung giá), có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính đề nghị điều chỉnh khung giá tính thuế tài nguyên theo quy định.

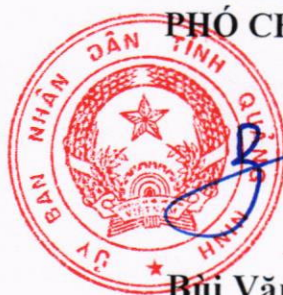
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tài chính, Bộ TNMT (báo cáo);
 - TTTU, TT HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0, V1-V4, CN, TH;
 - Lưu: VT, TM3.
- 10 bản, QĐ495

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Khăng